

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2022.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Phước Tân;

2/ Bà Dương Thị Thúy Duy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số nhà 017, ấp V, xã VT, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số nhà 1118, tổ 18, ấp PN, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Võ Thị Hồng T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông S do tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo số 59 vào ngày 03/6/2019. Sau khi kết hôn bà và ông S sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2018 ông S có người phụ nữ khác, không chăm sóc gia đình, dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, từ đó làm cho lòng tin của bà và ông S không còn nữa, bà và ông S không còn sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011 hiện nay do ông S đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông S tiếp tục nuôi dạy, bà xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2021 được cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011 cho biết sau khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng chung sống với cha.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông S theo quy định nhưng ông vắng mặt và không có ý kiến.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của ông Nguyễn Văn S được công an xã P cho biết ông Nguyễn Văn S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp PN, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Ông S vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh T thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào Tộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông S và bà T có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Cháu Đ đang sống cùng bà T và có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà T và con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Việt cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, ông S có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về tư cách vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông S có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T ly hôn với ông S cho thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên thường hay cãi vã, mâu thuẫn tình cảm, cả hai không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình; mặc dù Tòa án đã cho thời gian hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đến thời điểm hiện tại bà T kiên quyết ly hôn và vẫn bảo lưu ý kiến của mình, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã thật sự trầm trọng không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông S được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011 và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông S chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T và ông S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Ông S được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà Võ Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai T số 0006640 ngày 25/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/3/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 cấp ngày 03/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- UBND xã P (1);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS.

Nguyễn Quang Bảo